

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Đồng

Bà Nguyễn Thị Mến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2023/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoài P**, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày và yêu cầu:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Hoài P xây dựng hôn nhân từ năm 1988 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 20/12/2002. Sau khi thành hôn thì vợ chồng sinh sống cùng với gia đình bên chồng tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 35 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không còn phù hợp do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và tôi thường xuyên bị ông P đánh đập, vợ

chồng đã sống ly thân từ năm 2020. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoài P.

Về con chung: Tôi và ông P có 03 chung tên: Nguyễn Thị Kiều T1 sinh ngày 02/3/1989, Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 29/5/1991 và Nguyễn Minh T3 sinh ngày 10/10/1996. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Hoài P:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông P nhưng ông P không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L. Xử cho bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hoài P; Về con chung: Các con đã trưởng thành và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà L phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Bà Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoài P; ông P có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Bùi Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Hoài P được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bà L và ông P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Hoài P xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện từ năm 1988, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 20/12/2002 và được Giấy chứng nhận kết hôn số 274,

quyển số 02 nên hôn nhân giữa bà L và ông P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Bà L cho rằng giữa bà và ông P phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không còn phù hợp do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, ông P thường xuyên đánh đập bà, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông P. Còn ông P, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến. Tại biên bản xác minh ngày 13/7/2023 anh Nguyễn Minh T3 là con ruột của bà L và ông P cho biết cha mẹ đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu, cha tôi mỗi lần uống rượu về là đánh mẹ tôi, hiện nay cha mẹ đã sống ly thân khoảng 06 tháng, cha sống ở nhà chính, mẹ tôi sống ở nhà tạm trong vườn, cha mẹ cũng không còn ăn cơm chung. Xét thấy, giữa bà L và ông P đã sống ly thân, hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau, tình cảm vợ chồng không còn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà L yêu cầu được ly hôn với ông P là có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L: Xử cho bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hoài P.

[2.2] Về con chung: Bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Hoài P có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T1 sinh ngày 02/3/1989, Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 29/5/1991 và Nguyễn Minh T3 sinh ngày 10/10/1996. Hiện nay các con đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Tòa không đặt ra để xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Bùi Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hoài P.

1.2. Về con chung: Bà Bùi Thị L và ông Nguyễn Hoài P có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T1 sinh ngày 02/3/1989, Nguyễn Thanh T2 sinh ngày 29/5/1991 và Nguyễn Minh T3 sinh ngày 10/10/1996. Hiện nay đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004138 ngày 24/5/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Bà Bùi Thị L đã nộp đủ.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện Trà Ôn;
 - Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
 - UBND xã T, huyện T
- (Giấy CNKH số 274, ngày 20/12/2002)
- Các đương sự;
 - Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THÀNH LUÂN